

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 23 - 5 - 2022.

V/v “Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp kiện xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị N, sinh năm 1989.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 2, phường TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn TT, huyện TL, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn A, sinh năm 1990.

Đại chỉ: Tổ 2, phường TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị N, vắng mặt anh A có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì nội dung vụ án như sau:

Chị Trương Thị N và anh Hoàng Văn A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TL (nay là phường TT, thành phố PL), tỉnh Hà Nam vào ngày 06/10/2011 trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm. Việc kết hôn cũng có tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng anh chị sống cùng bố mẹ anh A tại tổ 2, phường TT. Quá trình chung sống trong khoảng mấy năm đầu nhìn chung vợ chồng anh chị sống tương đối hòa thuận. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và

rạn nứt trong cuộc sống chung. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về cách sống và quan điểm sống, cách quản lý kinh tế nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi nhau dẫn đến vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau nữa. Chính vì vậy, tình cảm hai bên phai nhạt dần dần đến không còn yêu thương nhau như trước nữa. Từ tháng 7 năm 2019 đến nay vợ chồng đã chủ động sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, chị N chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam sống nên hai bên không quan tâm đến nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đó. Đến nay, cả chị N và anh A đều xác định tình cảm không còn dành cho nhau và mâu thuẫn không thể hòa giải được. Do đó, chị N đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh A và anh A cũng đồng ý thuận tình ly hôn với chị N.

Về con: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Hoàng Đức T, sinh ngày 12/7/2012 (con trai) và cháu Hoàng Mai P, sinh ngày 26/6/2014 (con gái). Hiện các cháu đang ở với anh A và ông bà nội (bố mẹ anh A).

Quan điểm của chị N: Do chị và anh A có 02 con chung nên cả hai đều phải có trách nhiệm nuôi dưỡng các con. Mặt khác, điều kiện nuôi dưỡng, kinh tế của chị và anh A hiện nay đều ngang nhau không ai hơn ai cả. Vì vậy, khi ly hôn chị xin nuôi một trong hai con chung, con nào cũng được và chị không đề nghị anh A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Quan điểm của anh A: Từ khi chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở chỉ thỉnh thoảng đến thăm con chứ không có trách nhiệm gì trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cả. Do đó khi ly hôn, anh xin được nuôi cả 02 con chung là cháu Hoàng Đức T và cháu Hoàng Mai P cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi vì anh không muốn tách các cháu ra và không muốn ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định của các cháu. Nếu được nuôi cả 02 con chung thì anh không đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có, hiện chị N không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Nguyên vọng của cháu Hoàng Đức T: Hiện nay cháu đang ở với bố cháu và cháu đang học lớp 4 tại trường tiểu học TT, thành phố PL. Khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở với bố cháu.

* Nguyên vọng của cháu Hoàng Mai P: Hiện nay cháu đang ở với bố cháu và cháu đang học lớp 2 tại trường tiểu học TT, thành phố PL. Khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở với bố cháu.

* Quan điểm của đại diện Ủy ban nhân dân phường TT: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng chị N, anh A theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay:

+ Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Hoàng Văn A. Về con chung: Chị vẫn xin được nuôi một trong hai con chung (cháu nào cũng được) và

chị không đề nghị anh A cấp dưỡng nuôi con chung. Các vấn đề khác chị không đề nghị giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 54; 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị N.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh A.

2. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao anh A nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Đức T và chị N nuôi dưỡng con chung cháu Hoàng Mai P. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Hoàng Văn A có nơi cư trú tại tổ 2, phường TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Trương Thị N và anh Hoàng Văn A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Hoàng Văn A đã có đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện quan điểm của mình. Do đó việc xét xử vắng mặt anh A tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Trương Thị N và anh Hoàng Văn A là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TL (nay là phường TT, thành phố PL), tỉnh Hà Nam đã đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị N, Hội đồng xét xử thấy: Hôn nhân giữa chị N và anh A được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và đã có thời gian chung sống gần 08 năm cùng nhau. Quá trình chung sống, hai bên cũng có bất đồng quan điểm sống, cách sống nên đến tháng 7 năm 2019 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa và cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn dành cho nhau và mâu thuẫn của vợ chồng đã rất trầm trọng không thể khắc phục được. Đến nay, cả chị N và anh A đều đề nghị giải quyết cho vợ chồng ly hôn là giải pháp mà cả hai bên đều lựa chọn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh A.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Hoàng Đức Tn, sinh ngày 12/7/2012 (con trai) và cháu Hoàng Mai P, sinh ngày 26/6/2014 (con gái). Khi ly hôn cả chị N và anh A đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử thấy, thực tế từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân, anh A là người nuôi dưỡng các con chung nên nguyện vọng muốn được nuôi cả 02 con chung của anh A, nguyện vọng muốn được nuôi một con chung của chị N đều là chính đáng thể hiện tình yêu thương, trách nhiệm với các con. Tuy nhiên, cháu Mai P là con gái đang chuẩn bị bước vào độ tuổi dậy thì rất cần sự chỉ bảo, chăm sóc của người mẹ vẫn tốt hơn cả. Vì vậy, cần giao cho anh A nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Đức T và giao chị N nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Mai P để đảm bảo quyền của cha mẹ đối với con chung. Do mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con nuôi, con riêng: Các đương sự đều thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N và anh A thống nhất không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N và anh A phải nộp theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh A.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 54; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị N và anh Hoàng Văn A.

[2] Về con chung: Giao anh Hoàng Văn A được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Hoàng Đức T, sinh ngày 12/7/2012 (con trai), cho đến khi cháu Hoàng Đức T trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao chị Trương Thị N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Hoàng Mai P, sinh ngày 26/6/2014 (con gái), cho đến khi cháu Hoàng Mai P trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Trương Thị N và anh Hoàng Văn A mỗi người phải nộp 75.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trương Thị N nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ, được đối trừ với số tiền 300.000đ mà chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000358 ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Trương Thị N được nhận lại 150.000đ.

Án xử công khai sơ thẩm, chị N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuyên